

Bản án số: 545/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2024

Về việc “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác

2. Ông Võ Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 229/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977.

Đăng ký thường trú: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

Nơi cư trú: tổ I, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0338.088.047;

2. Bị đơn: ông Dương Trường T, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: tổ I, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0989.574.119;

(bà L xin vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải nguyên đơn bà **Nguyễn Thị L** trình bày:

Bà và ông **Dương Trường T** sau thời gian tìm hiểu và được gia đình hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới và chung sống năm 1997, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới sống chung với gia đình ông **T**, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn về tiền chi tiêu trong gia đình, do ông **T** không có công việc ổn định, không có trách nhiệm với vợ con vì ông **T** ham chơi cờ bạc, nhiều lần gây nợ bà phải đứng ra trả nợ thay cho ông **T**, sau đó bà nhiều lần khuyên ngăn thì ông **T** có hứa nhưng một thời gian sau vẫn vậy, ngoài ra ông **T** còn nghiện rượu, mỗi khi uống rượu về có hành vi bạo lực với bà, nên bà phải né tránh đến nhà anh chị em ruột ở tạm một thời gian và tình trạng này diễn ra kéo dài nên đã ly thân cho đến nay, sau khi ly thân ông **T** cũng không tạo điều kiện hàn gắn. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **Dương Trường T**.

Về con chung: có 01 con chung tên **Dương Khã N**, sinh năm 1998 hiện đã thành niên và lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông **Dương Trường T** vắng mặt không lý do từ khi Tòa án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên ông **T** vắng mặt suốt quá trình tố tụng là chấp hành pháp luật chưa nghiêm, ông cũng được tổng đạt triệu tập để nghe xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, bà **L** có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt ông **T** và bà **L** theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: hôn nhân của ông, bà sau thời gian tìm hiểu và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và chung sống năm 1997, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chung với gia đình ông **T**, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông **T** không có việc làm nên thu nhập không ổn định tiền chi tiêu khó khăn, ông **T** thiếu trách nhiệm với vợ con, ham chơi cờ bạc, gây nợ bà **L** phải đứng ra trả nợ thay, bà **L** nhiều lần khuyên can thì ông **T** có hứa nhưng sau đó vẫn không từ bỏ. Mặt khác khi uống rượu về có hành vi bạo lực đánh bà **L**, nên bà **L** phải lánh mặt đến nhà anh chị em ruột ở tạm, tình trạng này lặp đi lại rồi vợ chồng ly thân, sau khi ly thân ông **T** không tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai

nhật, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **L** xin ly hôn phù hợp với lời trình bày của bà **Nguyễn Thị É**, sinh năm 1973 (là chị ruột của bà **L**), do ông, bà không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận, vì hôn nhân của ông, bà là hôn nhân không hợp pháp do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông, bà là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 01 con chung tên **Dương Khã N**, sinh năm 1998 hiện đã thành niên và lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết
Đồng thời buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: nguyên đơn bà **Nguyễn Thị L** yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, bà có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, bị đơn ông **Dương Trường T** được tổng đạt triệu tập lần thứ hai để nghe xét xử nhưng ông không có mặt, việc vắng mặt của ông, bà không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên HĐXX xét xử vắng mặt ông, bà theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: hiện nay ông **Dương Trường T** cư trú tại **ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang** (theo Phiếu xác minh của **Công an nhân dân xã T** ngày 10/7/2024) nên bà **Nguyễn Thị L** khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: bà **Nguyễn Thị L** xin ly hôn với ông **Dương Trường T** nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân của ông, bà sau thời gian tìm hiểu và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và chung sống năm 1997, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chung sống với gia đình ông **T**, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông **T** không có việc làm ổn định, tiền chi tiêu trong gia đình khó khăn, ông **T** không có trách nhiệm với gia đình, còn tham gia cờ bạc, gây nợ bà **L** phải trả thay, bà **L** có khuyên can, thì ông **T** có hứa sửa đổi, nhưng sau đó vẫn không từ bỏ được. Mặt khác khi uống rượu về có hành vi bạo lực đánh bà **L**, nên bà **L** phải lánh mặt đến nhà anh chị em ruột ở tạm, tình trạng này lập đi lập lại rồi vợ chồng ly thân, sau khi ly thân ông **T** không tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **L** xin ly hôn phù hợp với lời trình bày của bà **Nguyễn Thị É**, sinh năm 1973 (là chị

ruột của bà L), do ông, bà không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận, vì hôn nhân của ông, bà là hôn nhân không hợp pháp do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử không công nhận ông, bà là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Về con chung: có 01 con chung tên Dương Khã N, sinh năm 1998 hiện đã thành niên và lao động được nên các bên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết

[3] Về án phí: bà Nguyễn Thị L là người xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Căn cứ Điều 26; Điều 27; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Dương Trường T là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung, tài sản và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006955 ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, ông Dương Trường T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Văn T1 – Đ

Bùi Văn C

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Bùi Văn Chiến**